TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/DS-PT
Ngày: 23-7-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên**.**

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2018/TLPT- DS ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐ-PT ngày 02/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu L; 1962; cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T; cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh T1; cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu Đ; cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Ông Lê Hoàng Th; cư trú tại thị trấn Đ, huyện, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mộng T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại các bản tự khai của bà Lê Thị Thu L thì:

Vào ngày 27/9/2015 bà Nguyễn Thị Mộng T có vay của bà số tiền 350.000.000đ với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, khi hết thời hạn vay bà đã đòi bà T nhiều lần nhưng bà T không trả. Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền gốc là 350.000.000đ, tiền lãi trong 24 tháng là 350.000.000đ x 1%/tháng x 24 tháng = 84.000.000đ, do bà T đã trả 50.000.000đ tiền lãi (số tiền này do ông T1 chồng cũ của bà T trả thay), nên còn nợ 34.000.000đ tiền lãi và 350.000.000đ tiền gốc, tổng cộng là 384.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Mộng T thừa nhận có vay của bà L số tiền 350.000.000đ với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Tuy nhiên, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì ông T1 (chồng cũ của bà T) đã trả cho ông Đ (chồng của bà L) số tiền 70.000.000đ, ngoài ra mỗi tháng bà đã trả cho bà L số tiền 3.500.000đ, đã trả được 14 tháng tổng cộng là 49.000.000đ, ông Lê Hoàng Th (cậu ruột của bà T) đã trả cho bà L số tiền là 25.000.000đ và bà đã trực tiếp trả cho bà L số tiền là 50.000.000đ. Như vậy, bà đã trả cho bà L số tiền tổng cộng là 194.000.000đ, bà còn nợ lại bà L số tiền là 156.000.000đ. Ngoài ra bà T xác định số tiền 350.000.000đ mà bà L cho vay trên xuất phát từ hợp đồng đặt cọc mua nhà chứ không phải là hợp đồng vay. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án xem xét trừ số tiền bà đã trả cho bà L và trả cho ông Đ như bà đã trình bày.

Theo ông Nguyễn Thanh T1 thì ông là chồng cũ của bà T, ông đã thay bà T trả cho ông Đ (chồng của bà L) số tiền là 70.000.000đ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ông Lê Hoàng Th cho biết ông là cậu ruột của bà T, ông đã thay bà T trả cho bà L mỗi tháng 5.000.000đ, trả được 4-5 tháng. Tuy nhiên ông không cung cấp chứng cứ thể hiện đã trả khoản tiền trên và ông không có yêu cầu cũng như ý kiến gì.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 04/2018/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018; Toà án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng đã xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu L.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thu L số tiền 351.367.500đ.

Bản án còn tuyên về án phí và lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/5/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 225.000.000đ và không đồng ý trả lãi, đề nghị cấp phúc thẩm miễn giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa,

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Lê Thị Thu L và và Nguyễn Thị Mộng T có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo nội dung giấy vay tiền ngày 27/9/2015 thì bà T có vay của bà L số tiền 350.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Bà T thừa nhận có vay khoản tiền nói trên và ký vào giấy nhận nợ. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng đã trả được tổng cộng 145.000.000đ nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà L thì lại cho rằng bên vay chỉ mới trả được 75.000.000đ và đồng ý trừ vào tiền gốc mà bà T đã vay.

Qua đánh giá toàn diện vụ án thì thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cho rằng trong thực tế không có vay của bà L số tiền 350.000.000đ mà vay ít hơn đồng thời cho rằng đã trả được 145.000.000đ nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, bà L chỉ thừa nhận bị đơn mới trả được 75.000.000đ và đồng ý trừ vào tiền gốc trước khi tính lãi, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: tại thời điểm các bên xác lập giao dịch dân sự vay tài sản (năm 2015), Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, lẽ ra phải áp dụng các quy định của Bộ luật vừa viện dẫn để giải quyết nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2017) để tính lãi cho đương sự là không chính xác; bà Liễu

chỉ yêu cầu tính 01 năm lãi trong hạn và 19 tháng lãi quá hạn, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận và cần phải tính lại tiền lãi như sau:

Theo quy định tại Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm; cần áp dụng mức lãi suất này để tính lãi cho đương sự.

Theo nội dung giấy vay tiền ngày 27/9/2015 thì bà Liễu và bà Tuyền thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng; xét việc thỏa thuận nói trên chưa vượt quá 150% lãi suất cơ bản (0,75%/tháng x 150% = 1,125%) nên cần áp dụng mức lãi suất thỏa thuận vừa nêu để tính lãi trong hạn, cụ thể:

Từ ngày 27/9/2015 -> ngày 27/9/2016:

275.000.000đ x 1%/tháng x 12 tháng = 33.000.000đ.

Từ ngày 28/9/2016 -> ngày 28/4/2018:

275.000.000đ x 0,75%/tháng x 19 tháng = 39.187.500đ.

Tổng tiền lãi bà T phải trả là: 72.187.500đ.

Như vậy tiền gốc và tiền lãi mà bà T phải trả cho bà L là 347.187.500đ.

[4] Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện thì khi khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán cho bà cả tiền gốc và lãi là 384.000.000đ, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho đương sự đóng tạm ứng án phí trên số tiền bà L yêu cầu, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/5/2018 bà L chỉ yêu cầu bà T thanh toán tổng cộng 351.367.500đ tiền gốc và lãi, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, lẽ ra phải đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút, nhưng cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 351.367.500đ là thiếu sót và vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc vi phạm này không lớn, trong trường hợp hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết yêu cầu của đương sự theo thủ tục chung nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm đối với vấn đề vừa nêu.

[5] *Về án phí:* quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, bà T nộp đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, xét đơn của bà T là hợp lệ nên cần giảm ½ án phí dân sự sơ thẩm cho bà T (347.187.500đ x 5% : 2 = 8.679.700đ). Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị bác yêu cầu (351.367.500đ - 347.187.500đ = 4.180.000đ).

[6] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mộng T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định. Do sửa án nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mộng T, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu L về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" với bà Nguyễn Thị Mộng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu L số tiền 347.187.500đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); trong đó 275.000.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 72.187.500đ (bảy mươi hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 8.679.700đ án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002140 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng; bà T còn phải nộp 8.379.700đ án phí sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thu L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, bà L được trừ vào số tiền 9.600.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002026 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, bà L được nhận lại 9.300.000đ.

+ Án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Mộng T không phải chịu án phí phúc thẩm.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch